

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ - ST  
Ngày: 29 – 4 - 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Thắng
2. Ông Trần Đức Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:** Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 445/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị A, sinh năm 2000

Hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước

Chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Bình Phước.

**Bị đơn:** Anh Điều K, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 6, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã D, huyện C, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Điều K chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống thỉnh thoảng vợ chồng cũng có cãi vã lẫn nhau. Tuy nhiên đến giữa năm 2021 thì anh K thường xuyên ăn chơi, đi nhậu về nhà chửi bới, đánh đập, đuổi chị A ra khỏi nhà dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do không thể tiếp tục chung sống thêm nữa nên chị A và anh K đã sống ly thân từ giữa năm 2021 cho tới nay. Nay chị A

yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị A và anh Điều K có 01 người con chung là cháu Điều Thị Ngọc A, sinh ngày 14/9/2014. Khi ly hôn chị A đồng ý giao cháu A cho anh Điều K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị A cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; bản sao chứng minh nhân dân, 01 bản sao giấy khai sinh, đơn xin xác nhận hộ khẩu. Ngoài ra, chị A không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.*

*Bị đơn anh Điều K trình bày:*

Anh K thống nhất với lời trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2020, do nghi ngờ chị A có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và chị A bỏ nhà đi từ đó cho tới nay. Mặc dù anh K nhiều lần tìm gặp chị A để xin lỗi và hàn gắn tình cảm nhưng chị A không đồng ý. Hiện nay, anh K vẫn còn tình cảm với chị A nên không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc con cái.

Về con chung: Anh K và chị A có 01 người con chung là cháu Điều Thị Ngọc Anh, sinh ngày 14/9/2014. Trong trường hợp phải ly hôn với chị A thì anh K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Anh cho đến khi cháu thành niên, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

*Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Điều K không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị A và bị đơn anh Điều K đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A; về con chung giao cháu Điều Thị Ngọc A, sinh ngày 14/9/2014 cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; về vấn đề cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét; về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Điều K. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn

thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Điều K: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Điều K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 48/2018 ngày 18/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước đã được chị A cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh K là hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời trình bày của chị A thì do anh K ăn chơi, thường xuyên đi nhậu về nhà chửi bới nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh Điều K cũng xác định trong thời gian chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã. Mặc dù anh K mong muốn đoàn tụ với chị A nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh K nhiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh K vẫn vắng mặt.

Xét thấy, chị A và anh K đã không chung sống với nhau từ giữa năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau, chị A xác định hiện không còn tình cảm với anh K nữa nên cương quyết muốn ly hôn để ổn định cuộc sống. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh K là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị A.

[5] Về con chung: Chị A và anh K có 01 người con chung là cháu Điều Thị Ngọc A, sinh ngày 14/9/2014. Quá trình giải quyết vụ án, anh Điều K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu thành niên. Chị A cũng đồng ý giao cháu Anh cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của chị A và anh K, giao cháu A cho anh Điều K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi.

[6] Về vấn đề cấp dưỡng: Chị A và anh K không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K và chị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn chị A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A về việc ly hôn. Chị A được ly hôn với anh Điều K.

2. Về con chung: Giao cháu Điều Thị Ngọc A, sinh ngày 14/9/2014 cho anh Điều K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về vấn đề cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000185 ngày 10/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Đào**

